TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 1 · Đề số 8

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

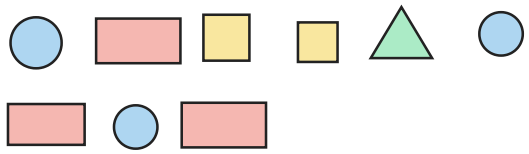
Câu 1. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số lớn hơn 3 và bé hơn 8?

A. 7 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 1

Câu 2. *(0,5 điểm)* Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 5 ……. 6 + 1

A. = **B.** < **C.** >

Câu 3. *(0,5 điểm)* Trong hình dưới đây có bao nhiêu hình vuông?



A. 0 **B.** 1 **C.** 5 **D.** 2

Câu 4. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 2 + 3 + 1 là:

A. 3 **B.** 6 **C.** 5 **D.** 9

Câu 5. *(0,5 điểm)* Con chó ở trên cái bàn. Vậy cái bàn ở đâu so với con chó?

A. ở trên **B.** ở dưới **C.** ở bên trái **D.** ở bên phải

Câu 6. *(0,5 điểm)* Phép tính nào có kết quả bé nhất?

A. 5 − 2 **B.** 5 − 4 **C.** 9 + 1 **D.** 5 − 3

Câu 7. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 2 − 2 là:

A. 1 **B.** 3 **C.** 0 **D.** 2

Câu 8. *(0,5 điểm)* Phép tính nào có kết quả bằng 10?

A. 10 − 0 **B.** 4 + 4 **C.** 8 + 0 **D.** 2 + 5

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tính:

a) 3 + 1 − 2 = ……

b) 4 + 3 + 2 = ……

c) 3 + 3 + 2 = ……

d) 3 + 5 + 2 = ……

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 gồm 5 và ……

b) 6 gồm …… và 5

c) 6 gồm 3 và ……

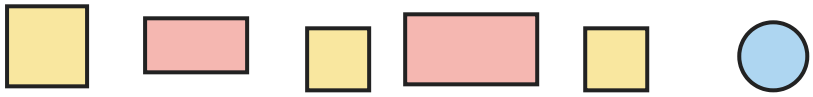
Câu 11. *(1 điểm)* Số? Viết số thích hợp vào ô trống theo chiều mũi tên.



a) Ô thứ nhất: ……

b) Ô thứ hai: ……

Câu 12. *(1 điểm)* Quan sát hình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Có …… hình chữ nhật.

b) Có …… hình vuông.

c) Có …… hình tròn.

Câu 13. *(1 điểm)* Cho các số: 0, 10, 6, 9.

a) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn: …… ; …… ; …… ; ……

b) Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé: …… ; …… ; …… ; ……

Câu 14. *(1 điểm)* Lọ có 9 bông hoa. An lấy ra 8 bông hoa để tặng cô. Lọ còn lại bao nhiêu bông hoa?

a) Phép tính: …… − …… = ……

b) Trả lời: Còn lại …… bông hoa.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 1 · Đề số 8

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	D	B	B	B	C	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) $3 + 1 - 2 = 2$

b) $4 + 3 + 2 = 9$

c) $3 + 3 + 2 = 8$

d) $3 + 5 + 2 = 10$

Câu 10.

a) 6 gồm 5 và 1

b) 6 gồm 1 và 5

c) 6 gồm 3 và 3

Câu 11.

$4 + 5 = 9$; $9 - 9 = 0$.

Câu 12.

a) Có 2 hình chữ nhật.

b) Có 3 hình vuông.

c) Có 1 hình tròn.

Câu 13.

a) Từ bé đến lớn: 0, 6, 9, 10.

b) Từ lớn đến bé: 10, 9, 6, 0.

Câu 14.

a) $9 - 8 = 1$

b) Còn lại 1 bông hoa.